TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 92/2023/HNGĐ – ST
Ngày 28 - 7 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Lê Tuấn Đức;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Đoàn;

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2023/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2023, về vụ kiện xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXX - ST, ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm: 1981;

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm: 1976;

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Bà L có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

Về hôn nhân: Bà với ông T cưới nhau và về sống chung năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C năm 2013, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống riêng ở gần nhà cha mẹ chồng tại xã L, đến năm 2009 vợ chồng đến xã T, huyện C mua đất để làm nhà ở, vợ chồng đi làm công nhân, năm 2015, vợ chồng mở tổ hợp may gia công ba lô túi xách. Vợ chồng sống chung không hạnh phúc ngay từ ban đầu do tính tình ông T gia trưởng, bảo thủ, độc đoán chỉ nghĩ cho mình không nghĩ cho vợ con, ngày nào ông T cũng mắng chửi vợ con. Thu nhập vợ chồng sử dụng chung lo chi tiêu sinh hoạt chung cho gia đình và các con. Mặc dù,

vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng trước đây bà cố gắng chịu đựng sống chung để nuôi các con, chưa muốn ly hôn. Nay bà quyết định làm đơn yêu cầu ly hôn với ông T nguyên nhân do ông T ngoại tình với người làm công trong tổ hợp may, tháng 9/2022 bà đã bắt gặp ông T và người phụ nữ này đang ở tại khách sạn T1 thuộc xã L, huyện C bà có quay clip nhưng không có báo chính quyền địa phương. Sau đó, vợ chồng cự cãi nhiều hơn, ông T có lỗi nhưng không biết lỗi mà còn thách thức bà, từ tháng 9/2022 vợ chồng vẫn sống chung nhà, ông T thường đánh bà nhiều hơn, vợ chồng thường xô xát. Do không thể sống chung với ông T nên tháng 11/2022, bà và người con gái lớn ra thuê nhà trọ để ở riêng, còn người con gái nhỏ vẫn ở với ông T, tổ hợp may gia công ba lô túi xách ngưng hoạt động. Sau khi bà và con gái lớn thuê nhà trọ ở riêng cho đến nay, ông T thường qua nhà trọ chửi bà. Do mâu thuẫn đã trầm trọng nên vợ chồng không có biện pháp hàn gắn để đoàn tụ, hai bên gia đình cũng không có ý kiến. Nay bà xét thấy vợ chồng sống ly thân được một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Võ Văn T.

Về con chung: Võ Thị Bích P, sinh năm: 2000 đã trưởng thành và Võ Nguyễn Bích P1, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2013. Do người con nhỏ ông T giữ sống chung với ông T, ông T không cho bà gặp người con nhỏ. Nguyện vọng của người con nhỏ được sống chung với ông T, bà đồng ý để người con Võ Nguyễn Bích P1 cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà làm công việc thợ may ở nhà, thu nhập không được ổn định nên bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L đối với bị đơn ông Võ Văn T cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Võ Văn T đã được Tòa án thông báo hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T là đúng pháp luật.

[2] Nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông Võ Văn T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết L với ông Võ Văn T: Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của bà L vợ, chồng sống chung không hạnh phúc ngay từ ban đầu, do bản tính ông T gia trưởng, độc đoán chỉ nghĩ cho mình không nghĩ cho vợ con, ngày nào ông T cũng mắng chửi bà và người con gái lớn. Nguyên

nhân chính bà quyết định làm đơn yêu cầu ly hôn là do ông T ngoại tình, đã được bà L bắt gặp tại khách sạn T1 thuộc xã L, huyện C. Sau khi bà L bắt gặp ông T ngoại tình thì giữa bà L với ông T ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn. Ông T là người có lỗi nhưng không biết lỗi mà còn thách thức bà L nhiều hơn nên vợ, chồng thường xô xát. Do không chịu nỗi bạo lực của ông T nên tháng 11/2022, bà L và người con gái lớn ra thuê nhà ở riêng, còn người con gái nhỏ ở chung với ông T. Thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, mà bỏ mặc lẫn nhau. Ngoài ra, ông T thường xuyên qua nhà trọ chửi bà L.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T hợp lệ. Ông T biết nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L. Tòa án cũng đã thông báo hợp lệ cho ông T tham gia phiên tòa hai lần nhưng ông T vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa bà L vẫn cương quyết xin ly hôn. Do vậy, xét thấy trên thực tế hôn nhân giữa bà L và ông T đã không còn. Từ đó, cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà L và ông T không còn đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L và ông T.

[2.2] Về nuôi con chung: Võ Thị Bích P, sinh năm: 2000 đã trưởng thành nên không xét đến.

Võ Nguyễn Bích P1, sinh ngày 27/7/2013, hiện nay đang sống chung với ông T. Theo nguyện vọng của người con Võ Nguyễn Bích P1 được ở với ông Võ Văn T nên giao người con Võ Nguyễn Bích P1 cho ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không nuôi con nên phải cấp dưỡng con là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình. Bà L thuê ở nhà trọ, công việc thợ may không ổn định nên việc bà L đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu P1 mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ý kiến của ông T nên không xem xét đến;

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết L với ông Võ Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với ông Võ Văn T.

2. Về con chung: Giao người con Võ Nguyễn Bích P1, sinh ngày: 27 tháng 7 năm 2013, cho ông Võ Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Tuyết L cấp dưỡng nuôi người con Võ Nguyễn Bích P1, sinh ngày: 27 tháng 7 năm 2013, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2023 cho đến khi cháu Võ Nguyễn Bích P1 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai số 0011975 ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An sang án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CQTHA huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Long Thượng, số 44/2013 Ngày 15/8/2013;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tuấn Đức